TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2019
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: không tham gia phiên tòa.*

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019; về "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **D**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà D trình bày:

Bà và ông T qua quen biết tìm hiểu nhau, được sự chấp thuận của gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai và 01 sợi dây chuyền tổng cộng 02 chỉ vàng 24K, trong thời gian chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng về sống ở ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long hạnh phúc được khoảng 25 năm; có 02 con chung là C, sinh ngày 25/6/1988 và H, sinh ngày 15/8/1990. Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 ngang 5,5m dài 12m, vách xây tường mái lợp tol, nền gạch bông cất

trên đất của cha mẹ bà cho ở. Nợ chung không có. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa, cự cãi nhau đến mức trầm trọng. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo nhau thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Hiện mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông T; con chung C, sinh ngày 25/6/1988 và H, sinh ngày 15/8/1990 đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T, ông T có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông T tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà D và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988. Xét bà D và ông T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, pháp luật không công nhận quan hệ giữa bà D và ông T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: C, sinh ngày 25/6/1988 và H, sinh ngày 15/8/1990 đã trưởng thành; bà D không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: bà D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Về án phí: bà D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông T.

2. Về con chung: T, sinh ngày 25/6/1988 và T, sinh ngày 15/8/1990 đã trưởng thành; bà D không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: bà D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do bà D nộp theo biên lai thu số 0011002 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy bà D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.